

Số: 364/PA-MNAQ

P. Ái Quốc, ngày 30 tháng 12 năm 2024

PHƯƠNG ÁN THU CHI CÁC KHOẢN THỎA THUẬN
HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2024 - 2025
(Từ tháng 01/2025 đến hết tháng 08/2025)

I. Nguyên tắc chung

1. Thực hiện thu đủ bù chi không mang tính chất kinh doanh, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; phải được sự thỏa thuận của toàn thể cha mẹ học sinh bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của Hội đồng trường.
2. Đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch theo quy định đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
3. Hạch toán riêng từng khoản thu trên hệ thống sổ sách kế toán và được tổng hợp báo cáo quyết toán thu chi hằng năm.
4. Mọi chi tiêu phải đảm bảo đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp, không điều chuyển từ khoản thu này sang khoản thu khác. Các nội dung, mức chi không được vượt mức đã thỏa thuận thống nhất với phụ huynh học sinh.

II. Căn cứ pháp lý để xây dựng phương án

1. Thông tư số 52/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường mầm non;
2. Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
3. Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 quy định chi tiết về sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp.
4. Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 10 tháng 2 năm 2017 về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo
5. Thông tư 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 quy định chi tiết về sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp.
6. Căn cứ văn bản số 1507/SGDĐT-KHTC ngày 19/11/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh Hải Dương về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học



tập, quản lý, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

7. Căn cứ Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND, ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương về việc quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

8. Công văn số 2528/HDLN SGĐĐT-STC ngày 15/11/2024 của liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Sở tài chính tỉnh Hải Dương về việc Hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;

9. Công văn số 131/CV-TCKH ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Phòng TCKH TP Hải Dương về việc triển khai một số nội dung liên quan đến Văn bản số 2528/HDLN SGĐĐT-STC ngày 15/11/2024 của liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Sở tài chính tỉnh Hải Dương;

10. Căn cứ Công văn số 1849/SGĐĐT-GDMN ngày 04/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non (GDMN);

11. Căn cứ Báo cáo số 697/BC-UBND ngày 27/8/2024 của UBND thành phố tổng kết năm học 2023-2024 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2024-2025.

12. Căn cứ tình hình thu-chi của học kỳ I năm học 2024-2025; KH hoạt động của năm học 2024-2025 và tình hình thực tế tại đơn vị.

III. PHƯƠNG ÁN THU-CHI

1. Số liệu cơ bản

- Số lớp: 26 lớp; trong đó: Nhà trẻ: 06 lớp; MG: 20 lớp;
- Số trẻ: 595
- Số giáo viên: 52
- Số cán bộ tham gia công tác quản lý: 04
- Số nhân viên dinh dưỡng (phục vụ bếp ăn bán trú): 06 người.
- Số nhân viên bảo vệ, lao công: 03 người

2. Tiền ăn:

- Nội dung chi: Chi 01 ngày ăn (Nhà trẻ: 02 bữa chính và 01 bữa phụ; mẫu giáo: 01 bữa chính và 01 bữa phụ).

- Xây dựng mức chi: Trong đó:

Độ tuổi	Bữa chính sáng	Bữa phụ	Bữa chính chiều
Nhà trẻ	12.000đ-14.000đ/ trẻ/ngày.	3.000đ - 4.000đ/ trẻ/ ngày.	6.000đ - 7.000đ/ trẻ/ ngày.
Mẫu giáo	12.000đ-14.000đ/ trẻ/ngày.	9.000đ - 10.000đ/ trẻ/ ngày.	

- Mức chi bình quân/trẻ/ tháng: 26 ngày x 23.000đ = 598.000đ

3. Dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú

Theo NQ 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Hải Dương, tiền công được chi như sau:

- + Chi tiền công chăm sóc phục vụ bán trú giáo viên trông trưa;
- + Chi tiền công tác quản lý hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán;
- + Chi tiền công cho nhân viên nấu ăn, chở cơm sang khu Ngọc Trì.

3.1. Tiền công CBGVNV

Trong đó:

- Số giờ dịch vụ trông trưa: Từ 11h đến 13h30' = 2,5h (02 GV/ lớp)
- Tiền công 01 giờ/GV: 36.190đ. (1 tháng 55 giờ tăng)

Cộng tổng số tiền công GV/ tháng: $36.190 \times 55h \times 52 (gv) = 103.504.830đ.$

Mức chi tính bình quân/trẻ/ tháng: **173.957đ.**

3.2. Tiền công cho cán bộ quản lý, gián tiếp và đấu thầu

- Nộp thuế DN: 2%;
- Xây dựng phương án: chi cho Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, kế toán, chi phí đấu thầu 18% trên tổng số tiền công bán trú thu được sau khi đã chi trả nhân viên dinh dưỡng, cụ thể:

* Dự kiến mức chi:

+ Đấu thầu: từ 4,1% đến 5,2% (theo số lượng trẻ đi học thực tế) - tương ứng khoảng 5.000.000đ/ tháng

+ Hiệu trưởng: 1 * 3,8 đến 4,05 (18% trên tổng số tiền công)

+ Phó HT quản lý bán trú, kế toán: 2 * 3,0 đến 3,25 (18% trên tổng số tiền công)

+ Phó HT: 1 * 2,7 đến 2,9 (18% trên tổng số tiền công)

Tổng số tiền chi QL + đấu thầu 01 tháng: 22.311.000đ.

Mức chi bình quân/trẻ/ tháng: **37.497đ.**

* Sau khi trừ chi phí đấu thầu, còn lại chia cho CBQL, gián tiếp.

3.3. Tiền công nhân viên nấu ăn

Trong đó: Dự kiến mức chi (đã bao gồm hỗ trợ đóng BHXH)

- 01 Bếp trưởng, phụ trách HSSS: 7.000.000đ/1 người/1 tháng;

- 02 NVDD 6.500.000đ/1 người/1 tháng;

- 03 NV phụ bếp: 5.000.000đ/1 người/1 tháng;

Tổng = 35.000.000đ/06 người

- Chở cơm: 1.700.000đ/tháng (chở sang 01 điểm trường)

Mức chi bình quân/trẻ/tháng: **61.700đ.**

4. Tiền thứ 7

- Chỉ thu đối với trẻ tham gia học thứ 7 theo nhu cầu gửi con của phụ huynh.

- Nội dung chi: Trả công cho giáo viên trực tiếp giảng dạy, chi CBQL, NV

- Phương án chi:

- + Trích 2% nộp thuế trên tổng thu.
- + Chi công tác quản lý của CBQL, NV: 12% tổng số tiền thu được sau khi trừ thuế trong đó: chi HT: 4,5%; PHT, KT: 2,5% (chi cho 3 người).
- + Chi giáo viên: 88% tổng số tiền thu được sau khi trừ thuế và được hưởng theo số cháu đi học của lớp.

Mức chi Bình quân/trẻ/ tháng: 200.000đ/trẻ/1 tháng (cho 4 thứ 7).

5. Chi phụ phí:

- Nội dung chi: Chi tiền chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước rửa tay, nước tẩy rửa, lau sàn, bột giặt...

- Phương án chi:

- + Tiền điện: chi 10.000.000đ/tháng (không tính tiền điện điều hòa);
 - + Tiền nước: chi 6.000.000đ/tháng;
 - + Tiền ga: Chi 315 kg/tháng x 36.300đ/kg = 11.434.000đ/tháng
 - + Lifeboy rửa tay: 60 bánh/tháng x 17.900đ/ lọ = 1.074.000đ/tháng
 - + Nước lau sàn Mộc lau Hương quế: 50 chai x 35.000 = 1.750.000đ/tháng
 - + Bột giặt Ômô: 28 túi tháng x 30.000đ = 840.000đ/tháng
 - + Nước rửa bát can 3.8l: 12 can/tháng * 112.000đ/can = 1.344.000đ/tháng.
 - + Giấy vệ sinh: 26 dây/tháng x 48.000đ/dây = 1.248.000đ/tháng
 - + Giấy Gấu trúc: 01 thùng/tháng x 160.000đ/thùng = 160.000đ/tháng
 - + Nước tẩy vệ sinh: 28 chai x 35.000đ/chai = 980.000đ/tháng
 - + Găng tay cao su: 5 đôi/ tháng * 55.000đ/ đôi = 275.000đ/tháng
 - + Túi nilông đựng rác: 20 kg/tháng * 45.000đ/kg = 900.000đ/tháng
- Cộng tổng số tiền phụ phí/tháng: 36.005.000đ/ tháng

Mức chi Bình quân/trẻ/ tháng: 60.512đ

6. Tiền lao công

- Nội dung chi:

- + Chi tiền công cho nhân viên quét dọn 2 điểm trường;
- + Chi phí dịch vụ vệ sinh môi trường 2 điểm trường;
- + Mua sắm dụng cụ lao công, giấy vệ sinh.

- Phương án chi:

- + Tiền công quét dọn tại 02 điểm trường: 6.500.000đ/ tháng;
- + Tiền công cắt cỏ tại 02 điểm trường: 1.500.000đ/tháng
- + Phí VSMT: 130.000đ x 2 điểm trường = 260.000đ/ tháng
- + Túi nilông đựng rác loại 30kg: 15 kg x 55.000đ = 825.000đ/ tháng;
- + Nước tẩy bồn cầu: 28 chai x 35.000 = 980.000đ/ tháng
- + Chổi rẽ dài: 5 cái x 30.000đ = 150.000đ/tháng
- + Chổi quét nước: 6 cái x 35.000đ = 210.000đ/quý
- + Chổi đốt: 3 cái x 50.000đ = 150.000đ/tháng
- + Bột thông cống: 52 túi x 30.000 = 1.560.000/quý

- + Găng tay cao su: 3 đôi x 55.000 = 210.000/ tháng
- + Ủng cao su: 2 đôi * 65.000đ = 130.000đ/quý
- + Hót rác: 30 cái x 20.000đ = 600.000đ/năm
- + Giấy vệ sinh: 16 dây x 48.000đ = 768.000đ/ tháng

* Cộng tổng số tiền lao công/tháng: 12.026.333đ.

Mức chi Bình quân/ trẻ/tháng: 20.211đ.

7. Tiền nước uống

- Nội dung chi:

+ Mua nước uống tinh khiết cho các cháu.

+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng cây nước nóng lạnh, mua bổ sung cốc uống nước.

- Thanh toán theo số lượng uống thực tế của từng tháng để trả nhà cung cấp và có sổ giao nhận nước giữa nhà trường với công ty nước để làm căn cứ thanh toán.

- Phương án chi:

+ Mua nước uống tinh khiết cho trẻ tại 3 điểm trường: 165 bình x 17.280đ = 2.851.200đ/tháng;

+ Mua ca cốc, sửa chữa cây nước nóng/lạnh cho trẻ: 125.000đ/tháng

Cộng tổng số tiền nước uống/tháng: 2.976.200đ.

Mức chi Bình quân/trẻ/tháng: 5.002đ.

8. Tổng cộng chi bình quân/trẻ/tháng: 984.609đ (không T7); 1.184.609đ (có T7)

Trong đó:

- Tiền ăn: 598.000đ/ trẻ/ngày.

- Tiền dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú: 273.154đ/trẻ/tháng.

- Tiền phụ phí: 60.512đ /trẻ/tháng.

- Tiền lao công: 20.212đ/trẻ/tháng.

- Tiền thứ 7: 200.000đ/trẻ/tháng (cho 4 thứ 7)

- Tiền nước uống: 5.227đ/trẻ/tháng.

IV. Phương án mức thu

Trên cơ sở phương án chi ở mục III, nhà trường xây dựng phương án mức thu/ trẻ/tháng bắt đầu từ học kì II năm học 2024 - 2025 đến hết tháng 08/2024 như sau:

1. Tiền ăn: 23.000đ/ trẻ/ ngày.

2. Tiền dịch vụ chăm sóc, phục vụ bán trú: 270.000/ trẻ/ tháng.

3. Tiền phụ phí: 60.000đ/ trẻ/ tháng.

4. Tiền lao công: 20.000đ/ trẻ/ tháng.

5. Tiền nước uống: 5.000đ/ trẻ/ tháng.

6. Tiền thứ 7: 200.000đ/ trẻ/ tháng (cho 4 thứ 7).

8. Đồ dùng học tập của trẻ: Do Phòng Giáo dục phê duyệt cho học kì II

+ Lớp MG 5 tuổi: 200.000đ/ trẻ/năm.



- + Lớp MG 4 tuổi: 200.000đ/trẻ/năm.
- + Lớp MG 3 tuổi: 200.000đ/trẻ/năm.
- + Nhà trẻ: 150.000đ/trẻ/năm.

9. Tiền đồ dùng bán trú đầu vào (cháu mới): 200.000đ/ trẻ/ khóa học.

10. Tiền điện điều hòa, bình nóng lạnh căn cứ vào tình hình thực tế sử dụng của mỗi lớp để thu tiền.

Tổng thu không thứ 7: 983,000đ/trẻ/tháng; Có thứ 7: 1.183.000đ/trẻ/tháng

Tất cả các khoản thu - chi trên được theo dõi qua bộ phận kế toán và được hạch toán, quyết toán trên sổ sách kế toán theo dõi và báo cáo quyết toán tài chính, đồng thời thực hiện công khai các khoản thu trong nhà trường theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trên đây là phương án thu chi các khoản dân góp từ tháng 01/2025 đến hết tháng 08/2025 của trường mầm non Ái Quốc./.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



CHỦ TỊCH
Phạm Thị Nhuận

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thanh Xuân

KẾ TOÁN

Phạm Thị Thúy Nga

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính – KH TP Hải Dương (Để báo cáo- kiểm soát chi);
- Hiệu trưởng, kế toán, CD (thực hiện);
- Lưu VT.